

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn ngân sách nhà nước	Mã ngành kinh tế	Mã nội dung kinh tế	Mã chương trình mục tiêu, dự án	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	12	073	6552	00000	0	0	7.620.000	33.882.000	7.620.000	33.882.000
Vật tư văn phòng khác	12	073	6599	00000	0	0	0	3.300.000	0	3.300.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	12	073	6912	00000	0	0	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000
Tài sản và thiết bị khác	12	073	6999	00000	0	0	57.200.000	72.800.000	57.200.000	72.800.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	12	073	7001	00000	0	0	0	15.330.000	0	15.330.000
Lương theo ngạch, bậc	13	073	6001	00000	0	0	1.328.475.330	2.673.527.688	1.328.475.330	2.673.527.688
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	073	6051	00000	0	0	39.951.410	77.127.002	39.951.410	77.127.002
Phụ cấp chức vụ	13	073	6101	00000	0	0	11.934.000	23.868.000	11.934.000	23.868.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	073	6105	00000	0	0	12.224.946	12.224.946	12.224.946	12.224.946
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	073	6112	00000	0	0	391.938.465	788.699.670	391.938.465	788.699.670
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	073	6113	00000	0	0	3.510.000	7.020.000	3.510.000	7.020.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	073	6115	00000	0	0	303.036.125	608.754.728	303.036.125	608.754.728

Thưởng thường xuyên	13	073	6201	00000	0	0	48.880.000	48.880.000	48.880.000	48.880.000
Bảo hiểm xã hội	13	073	6301	00000	0	0	295.933.532	593.102.276	295.933.532	593.102.276
Bảo hiểm y tế	13	073	6302	00000	0	0	50.217.176	101.160.389	50.217.176	101.160.389
Bảo hiểm thất nghiệp	13	073	6304	00000	0	0	16.891.232	34.024.475	16.891.232	34.024.475
Chi khác	13	073	6449	00000	0	0	18.345.600	18.345.600	18.345.600	18.345.600
Tiền điện	13	073	6501	00000	0	0	16.219.768	23.254.303	16.219.768	23.254.303
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	073	6552	00000	0	0	40.800.000	40.800.000	40.800.000	40.800.000
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	073	6605	00000	0	0	2.160.000	2.160.000	2.160.000	2.160.000
Khoán điện thoại	13	073	6618	00000	0	0	0	850.000	0	850.000
Các khoản thuê mướn khác	13	073	6657	00000	0	0	12.200.000	12.200.000	12.200.000	12.200.000
Khoán công tác phí	13	073	6704	00000	0	0	0	2.050.000	0	2.050.000
Thuê phương tiện vận chuyển	13	073	6751	00000	0	0	700.000	3.500.000	700.000	3.500.000
Thuê lao động trong nước	13	073	6757	00000	0	0	35.500.000	45.500.000	35.500.000	45.500.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	073	6949	00000	0	0	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	073	6955	00000	0	0	47.735.000	47.735.000	47.735.000	47.735.000
Tài sản và thiết bị khác	13	073	6999	00000	0	0	73.956.000	73.956.000	73.956.000	73.956.000
Chi khác	13	073	7049	00000	0	0	13.465.000	13.465.000	13.465.000	13.465.000
Thưởng đột xuất	18	073	6202	00000	0	0	17.316.000	17.316.000	17.316.000	17.316.000
Cộng:					0	0	2.876.559.584	5.425.183.077	2.876.559.584	5.425.183.077
Phần KBNN ghi:										
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	073	6113	00000	0	0	4.680.000	7.020.000	4.680.000	7.020.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	073	6115	00000	0	0	301.866.125	608.754.728	301.866.125	608.754.728

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN: Mục 6113 và 6115 chênh số liệu do GDV nhập nhầm mục trên hệ thống Tab, đã thực hiện điều chỉnh trong tháng 4/2026 số tiền chênh lệch là 1.170.000đ

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 7 năm 2026

Kế toán

Kiểm soát

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

Hoa05 Truong Thi

Người ký: Hoa15 Dang Thi
Ngày ký: 06/07/2026 16:22:43
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực V-PGD số 6

Hoa15 Dang Thi

ĐƠN VỊ GIAO DỊCH

Ngày 3 tháng 7 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Hoàng Văn Hanh
Ngày ký: 03/07/2026 09:01:02
Đơn vị: Trường trung học cơ sở Trục Đại

Người ký: Đỗ Thị Châm
Ngày ký: 03/07/2026 09:03:20
Đơn vị: Trường trung học cơ sở Trục Đại

Hoàng Văn Hanh

Đỗ Thị Châm